

Bản án số: 816/2017/DS-ST

Ngày: 27-12-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích Loan

2. Ông Dương Minh Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Vinh - *Thư ký Tòa án nhân dân quận
Gò Vấp*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 317/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXX-DS ngày 20/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2017/QĐ-HPT ngày 11/12/2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tuyết N, sinh năm 1966; Địa chỉ: A đường Lý Thường K, Phường H, quận G, Thành phố C (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Vũ Thanh Q- Luật sư văn phòng luật sư Thanh Q- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; Địa chỉ: R, đường Nguyễn Văn Ng, Phường 5, quận G, Thành phố C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn bà N trình bày: Ngày

09/5/2016 bà cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, không tính lãi, hợp đồng vay tiền được thực hiện tại phòng công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh, mục đích của bà M vay là để làm vốn kinh doanh. Sau thời hạn vay 03 tháng, bà liên lạc tìm bà M, nhưng bà M nói chưa có tiền trả, bà M hẹn qua tết sẽ trả nợ cho bà. Tháng 02/2017 bà liên lạc với bà M nhưng bà M vẫn không trả nợ. Mấy tháng tiếp theo, bà cố gắng liên lạc nhưng bà M vẫn không trả nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà M trả cho bà số tiền nợ là 250.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà N không yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm vi phạm hợp đồng đến ngày Tòa xét xử và bà N cũng không yêu cầu chồng bà M cùng có trách nhiệm trả nợ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Q trình bày: Ông yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho bà N số tiền nợ là 250.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà N không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa để ghi lời khai vào ngày 18/8/2017, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/8/2017 và ngày 20/11/2017, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 11/12/2017 nhưng bà M vẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp :

Về tố tụng:

Giám sát quá trình giải quyết vụ án dân sự giữa bà Hoàng Thị Tuyết N và bà Nguyễn Thị M nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, như về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng quan hệ tranh chấp, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự giải quyết vụ án từ việc ghi lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định, tại phiên tòa đảm bảo trình tự xét xử vụ án, đảm bảo quyền lợi cho các bên khi tranh tụng, đúng pháp luật tố tụng.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Hoàng Thị Tuyết N khởi kiện bà Nguyễn Thị M về hợp đồng vay tài sản, Theo kết quả xác minh của công an Phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh hiện bà Nguyễn Thị M có hộ khẩu thường trú tại số tại số R Nguyễn Văn Ng, Phường 5, quận G, Thành phố C, hiện không thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ. Tại hợp đồng vay tiền ký ngày 09/5/2016 bà M vẫn khai nơi thường trú của mình là R Nguyễn Văn Ng, Phường 5, quận G, Thành phố C. Việc bà M có thay đổi địa chỉ mà không khai báo với chính quyền địa phương, cũng như không báo nguyên đơn thì được xem như bà M đã che dấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng bà M vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, hợp đồng vay tiền ngày 09/5/2016 và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện; Tại hợp đồng vay tiền ghi ngày 09/5/2016, ký tại Phòng công chứng số 5, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung có ghi Bà Nguyễn Thị M có vay của bà Hoàng Thị Tuyết N số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, không tính lãi suất, trong trường hợp bà M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả theo thời điểm trả nợ. Trong hợp đồng còn ghi mục đích vay để làm vốn kinh doanh riêng, tuy nhiên không xác định rõ mục đích bà M kinh doanh cái gì, có sinh được lợi nhuận hay không, bản thân nguyên đơn cũng chỉ biết mơ hồ nghe bị đơn nói lúc vay là để làm vốn kinh doanh, Tòa án không tiếp xúc được với bà M và cũng không nhận được sự phản hồi nào của bà M, nên hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[4] Bà N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N yêu cầu một mình bà M trả số nợ 250.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì khi cho vay, bà N chỉ cho một mình bà M vay tiền, nên không yêu cầu chồng bà M

cùng có trách nhiệm trả nợ, bà N cũng không yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm bà M chậm trả nợ đến ngày xét xử.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng vay tài sản của bà N và bà M ký kết ngày 09/5/2016, thời hạn hợp đồng là 3 tháng, như vậy hợp đồng hết hạn trả nợ ngày 09/8/2016; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N kiện đòi bà M số tiền 250.000.000 đồng và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên chấp nhận; Tuy nhiên về điều luật, luật sư căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa phù hợp với Điều khoản chuyển tiếp được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra tại Điều 3 của hợp đồng vay tiền ngày 09/5/2016 hai bên đã thỏa thuận; Trong trường hợp bà M không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả theo thời điểm trả nợ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ trên, từ thời điểm vi phạm đồng đến ngày xét xử.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 474, 476, Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Tuyết N với bị đơn bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả nợ cho bà Hoàng Thị Tuyết N số tiền là 250.000.000 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ trên.

Kể từ khi bà N có đơn yêu cầu thi hành án. Bà M chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà M còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bà Hoàng Thị Tuyết N không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018867 ngày 26/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí là 12.500.000 đồng.

1. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình

